

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI HIỆU QUẢ RÈN LUYỆN TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Thị Thương^{1*}

¹*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long*

* *Email: nguyenthithuong@daihochalong.edu.vn*

Ngày nhận bài: 29/04/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 11/05/2025

Ngày chấp nhận đăng: 18/05/2025

TÓM TẮT

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng về các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non, bài báo đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Các phương pháp xử lý dữ liệu như thông kê mô tả, kiểm định độ tin cậy bằng Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy tuyến tính... bước đầu giúp khẳng định độ tin cậy của những biện pháp nghiên cứu đề xuất.

Từ khóa: cảm xúc, trí tuệ cảm xúc, trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non.

FACTORS AFFECTING THE EFFECTIVENESS OF EMOTIONAL INTELLIGENCE TRAINING AMONG PRESCHOOL TEACHERS IN UONG BI CITY, QUANG NINH PROVINCE

ABSTRACT

Based on the research on the current status of factors affecting the effectiveness of emotional intelligence training among preschool teachers, this article proposes specific measures to improve the effectiveness of emotional intelligence training of preschool teachers in Uong Bi City, Quang Ninh Province. Data analysis methods including descriptive statistics, Cronbach's Alpha reliability testing, exploratory factor analysis (EFA), and linear regression analysis... have been employed to preliminarily validate the reliability of the proposed research measures.

Keywords: emotion, emotional intelligence, preschool teachers' emotional intelligence.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trí tuệ cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển cá nhân và hiệu quả nghề nghiệp của giáo viên, đặc biệt là giáo viên mầm non – những người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Trẻ em ở giai đoạn mầm non đang trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách, vì vậy các mối quan hệ tương tác của giáo viên

đều có tác động sâu sắc đến sự phát triển của trẻ. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, giáo viên có trí tuệ cảm xúc cao không chỉ kiểm soát tốt cảm xúc cá nhân mà còn có khả năng thấu hiểu, đồng cảm với trẻ, từ đó tạo ra môi trường giáo dục tích cực, hỗ trợ sự phát triển về mặt cảm xúc và xã hội của học sinh. Ngược lại, nếu giáo viên gặp khó khăn trong việc điều chỉnh cảm xúc, điều đó có thể ảnh

hưởng đến hiệu quả giảng dạy, mối quan hệ thầy trò và thậm chí là sức khỏe tinh thần của chính giáo viên. Điều này cũng đã được tác giả Phan Trọng Ngọ (2001) đề cập tới trong công trình nghiên cứu “*Tâm lý học trí tuệ*” của mình.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, vấn đề trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non vẫn chưa được quan tâm đầy đủ, cả trong đào tạo lẫn thực tiễn giảng dạy. Điều này đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu sâu hơn về mức độ trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non, những yếu tố ảnh hưởng và các biện pháp nâng cao trí tuệ cảm xúc nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục mầm non.

Bài viết này nhằm phân tích vai trò của trí tuệ cảm xúc đối với giáo viên mầm non và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh..., từ đó đề xuất biện pháp rèn luyện hiệu quả để nâng cao năng lực cảm xúc cho đội ngũ giáo viên, góp phần tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh và hiệu quả cho trẻ nhỏ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Xây dựng các biến quan sát trong thang đo

Việc xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến về các yếu tố ảnh hưởng tới nâng cao hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non được thực hiện theo các bước sau:

– Bước 1: Xác định mục tiêu xây dựng thang đo, tìm kiếm, thu thập dữ liệu khách quan về mức tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non.

– Bước 2: Lựa chọn thang đo. Nghiên cứu đã sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: (1) Không hiệu quả; (2) Ít hiệu quả; (3) Bình thường; (4) Hiệu quả; (5) Rất hiệu quả. Tổng số có 25 biến khảo sát, được chia thành 5 thang gồm, trong đó:

Thang 1 – Nhận thức của giáo viên mầm non về trí tuệ cảm xúc gồm các biến sau: NT1: Hiểu biết về các thành phần của trí tuệ cảm xúc (nhận thức cảm xúc, quản lý cảm xúc, động lực

cá nhân, thấu cảm, kỹ năng xã hội); NT2: Kiến thức về các phương pháp rèn luyện trí tuệ cảm xúc cho bản thân và người khác; NT3: Nhận thức về ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc đến hiệu quả giảng dạy và quản lý lớp học; NT4: Nhận diện và gọi tên cảm xúc của bản thân; NT5: Kỹ năng điều chỉnh phản ứng cảm xúc để duy trì môi trường học tập tích cực.

Thang 2 – Sự quan tâm của Ban giám hiệu gồm các biến sau: QT1: Có chính sách khuyến khích giáo viên tham gia các khóa đào tạo về trí tuệ cảm xúc; QT2: Lãnh đạo tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, hỗ trợ giáo viên về mặt cảm xúc; QT3: Hỗ trợ tâm lý cho giáo viên khi gặp khó khăn trong công việc; QT4: Lãnh đạo thường xuyên ghi nhận và khích lệ giáo viên; QT5: Lãnh đạo thể hiện trí tuệ cảm xúc trong giao tiếp với giáo viên.

Thang 3 – Tham gia tập huấn về trí tuệ cảm xúc gồm các biến sau: TH1: Mức độ chuyên sâu của các chủ đề liên quan đến nhận diện và quản lý cảm xúc, giao tiếp cảm xúc, giải quyết xung đột trong lớp học; TH2: Phương pháp giảng dạy trong tập huấn (lí thuyết, thực hành, thảo luận nhóm, tình huống mô phỏng); TH3: Mức độ tương tác và trải nghiệm thực tế của giáo viên trong quá trình tập huấn; TH4: Chất lượng tài liệu hướng dẫn, bài tập thực hành và công cụ hỗ trợ rèn luyện trí tuệ cảm xúc; TH5: Hệ thống đánh giá hiệu quả của các chương trình tập huấn về trí tuệ cảm xúc.

Thang 4 – Điều kiện cơ sở vật chất gồm các biến sau: VC1: Phòng làm việc của giáo viên có đầy đủ trang thiết bị hỗ trợ công việc; VC2: Không gian lớp học có hỗ trợ giáo viên trong việc quản lý cảm xúc và tương tác tích cực với người học; VC3: Có các thiết bị công nghệ hỗ trợ giảng dạy và giao tiếp cảm xúc; VC4: Nhà trường cung cấp tài nguyên học tập về trí tuệ cảm xúc cho giáo viên (sách, tài liệu, khóa học trực tuyến); VC5: Điều kiện cơ sở vật chất tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn.

Thang 5 – Trình độ đào tạo gồm các biến sau: TĐ1: Có nội dung về trí tuệ cảm xúc trong chương trình đào tạo sư phạm; TĐ2: Chương trình đào tạo kết hợp lí thuyết và

thực hành trí tuệ cảm xúc trong giảng dạy; TĐ3: Các phương pháp giảng dạy giúp giáo viên phát triển trí tuệ cảm xúc (học qua trải nghiệm, thảo luận nhóm, tình huống mô phỏng); TĐ4: Mức độ thực hành các kỹ năng như kiểm soát cảm xúc, thấu cảm và giao tiếp hiệu quả trong quá trình học; TĐ5: Mức độ khác biệt về nhận thức trí tuệ cảm xúc giữa giáo viên được đào tạo chính quy và giáo viên đào tạo ngắn hạn/không chính quy.

2.2. Chọn mẫu nghiên cứu và phương pháp xử lý dữ liệu

Để xác định số mẫu cần thiết trong nghiên cứu khảo sát, bài báo đã dựa trên các phân tích về chọn mẫu của các tác giả như Thái Thanh Trúc (2025), Hair và cộng sự. (2010), Tabachnick & Fidell (2007), Mẫu dùng trong phân tích nhân tố EFA, phân tích hồi quy số mẫu nên gấp từ 5 đến 10 lần số biến quan sát.

Trong nghiên cứu này, kích thước mẫu được sử dụng là 153 ($153 > 125$), đủ điều kiện để đánh giá độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy tuyến tính để xác định các yếu tố ảnh hưởng ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình rèn luyện trí tuệ cảm xúc của giáo viên mầm non thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên phần mềm SPSS 26.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi dữ liệu được làm sạch và chạy thống kê mô tả, kết quả cho thấy 100% dữ liệu thu được qua khảo sát đều đạt yêu cầu. Đây là điều kiện tiên quyết để dữ liệu được tiếp tục xử lý ở các bước tiếp theo.

3.1. Kiểm định độ tin cậy của các biến với hệ số Cronbach's Alpha

Sau khi tiến hành kiểm tra ý nghĩa của dữ liệu bằng thống kê mô tả xong, tác giả tiến hành kiểm tra độ tin cậy lần lượt đối với các biến. Khi chạy Cronbach's Alpha lần thứ nhất, một số biến đã bị loại do không đảm bảo ý nghĩa về giá trị thống kê như biến NT2 ($0,167 < 0,3$), NT5 ($0,212 < 0,3$), TH1 ($0,229 < 0,3$), VC1 ($0,276 < 0,3$), VC5 ($0,065 < 0,3$). Tác giả đã loại ba biến trên và chạy lại mô hình.

Kết quả kiểm định lần 2 được thể hiện ở Bảng 1, theo đó: hệ số Cronbach's Alpha của

các biến đạt được từ $0,601 - 0,823 (> 0,6)$, bước đầu đã đảm bảo độ tin cậy, có ý nghĩa thống kê, đủ cơ sở để phân tích khám phá nhân tố EFA.

Bảng 1. Kiểm định độ tin cậy của các biến với hệ số Cronbach's Alpha lần cuối

TT	Thang đo	Hệ số Cronbach's α
1	Nhận thức của giáo viên mầm non về trí tuệ cảm xúc	0,661
2	Sự quan tâm của Ban giám hiệu	0,623
3	Tham gia tập huấn về trí tuệ cảm xúc	0,690
4	Điều kiện cơ sở vật chất	0,601
5	Trình độ đào tạo	0,823

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

3.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi đã loại các biến không đảm bảo giá trị, tác giả tiến hành phân tích nhân tố EFA để đánh giá mối tương quan của các hệ số KMO và Sig của các dữ liệu còn lại. Kết quả thu được ở Bảng 2 và 3 như sau:

Hệ số KMO = $0,652$ là phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố ($KMO \geq 0,5$). Giá trị Sig (Bartlett's Test) = $0,000$ (rất tốt, $< 0,05$) chứng tỏ các biến quan sát tham gia vào phân tích EFA có tương quan với nhau, phân tích nhân tố EFA là phù hợp.

Đồng thời giá trị phương sai trích bằng $59,611\%$ cho thấy các biến sau khi kiểm định đã đảm bảo được độ giá trị và có ý nghĩa (Tổng phương sai trích $\geq 50\%$ cho thấy các nhân tố được trích là phù hợp. Như vậy, 5 nhân tố được trích giải thích được $59,611\%$ biến thiên dữ liệu của các biến quan sát tham gia vào EFA.

Bảng 2. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's Test

Thông số	Giá trị
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy	0,652
Bartlett's Test of Sphericity	
Approx. Chi-Square	879,926
df	171
Sig.	0,000

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Bảng 3. Tổng phương sai trích (Total Variance Explained)

TT	Eigenvalue ban đầu	% phương sai	% tích lũy	Sau khi trích	% phương sai	% tích lũy	Sau khi xoay	% phương sai	% tích lũy
1	3,228	16,991	16,991	3,228	16,991	16,991	2,937	15,456	15,456
2	2,743	14,439	31,430	2,743	14,439	31,430	2,390	12,581	28,037
3	2,360	12,419	43,849	2,360	12,419	43,849	2,181	11,480	39,517
4	1,695	8,919	52,768	1,695	8,919	52,768	2,124	11,178	50,695
5	1,300	6,843	59,611	1,300	6,843	59,611	1,694	8,916	59,611
6	0,933	4,910	64,521						
7	0,883	4,646	69,167						
8	0,836	4,397	73,564						
9	0,728	3,833	77,397						
10	0,694	3,655	81,052						
11	0,612	3,218	84,271						
12	0,577	3,038	87,309						
13	0,517	2,719	90,027						
14	0,430	2,266	92,293						
15	0,379	1,993	94,286						
16	0,352	1,851	96,137						
17	0,304	1,602	97,739						
18	0,247	1,301	99,040						
19	0,182	0,960	100,000						

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

3.4. Phân tích tương quan

Bảng 4. Kết quả EFA thang đo các nhân tố ảnh hưởng hành vi tiêu dùng xanh

	1	2	3	4	5
TĐ3	0,869				
TĐ4	0,852				
TĐ2	0,841				
TĐ1	0,787				
VC4	0,795				
VC2	0,652				
QT5	0,639		0,387		
TH5	0,617			0,426	
VC3	0,589				
NT3		0,859			
NT4		0,828			
NT1		0,777			
QT4			0,822		
QT2			0,811		
QT1			0,614		
QT3				0,301	
TH3				0,731	
TH4				0,679	
TH2				0,594	

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Dựa trên kết quả của Bảng 4, biến QT3 có hệ số tải chỉ $0,301 < 0,5$, không đảm bảo độ hội tụ nên cần loại khỏi mô hình. Các biến còn lại có hệ số tải $> 0,5$ nên tiếp tục được giữ lại.

3.5. Phân tích hồi quy tuyến tính bội.

Kết quả hồi quy tuyến tính bội được thể hiện trong Bảng 5,6,7.

Bảng 5. Tóm tắt mô hình

R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn
0,456	0,208	0,181	0,92777

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Bảng 6. Phân tích phương sai ANOVA

	Tổng bình phương	df	Trung bình bình phương	F	Sig.
Hồi quy	33,232	5	6,646	7,722	0,000
Phần dư	126,533	147	0,861		
Tổng	159,765	152			

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Bảng 7. Hệ số hồi quy

Biến	B	Sai số chuẩn	Beta	t	Sig.	Tolerance	VIF
Hằng số	0,970	0,564		1,719	0,088		
X ₁	0,001	0,022	0,003	0,038	0,970	0,929	1,076
X ₂	-0,014	0,020	-0,056	-0,706	0,481	0,855	1,170
X ₃	0,122	0,042	0,225	2,876	0,005	0,877	1,140
X ₄	0,182	0,045	0,304	4,042	0,000	0,953	1,050
X ₅	0,046	0,017	0,199	2,670	0,008	0,968	1,033

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Bảng 5 cho thấy $R = 0,456$ ($R \geq 0,3$) và $R_Square = 0,208$ ($R_Square \geq 0,09$) đã đảm bảo độ tin cậy của giá trị, R bình phương hiệu chỉnh là $0,181 = 18,1\%$. Như vậy các biến độc lập đưa vào chạy hồi quy ảnh hưởng tới $18,1\%$ sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Bảng 6 cho thấy Sig kiểm định $F = 0.000 < 0.05$, như vậy mô hình hồi quy có ý nghĩa.

Bảng 7 cho thấy VIF có giá trị từ 1,033 đến 1,170 (thỏa mãn $VIF < 2$ đối với các nghiên cứu sử dụng thang đo Likert) cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến. Tất cả 5 biến được đưa vào phân tích hồi quy, có 2 biến có Sig. kiểm định $t < 0,05$, biến X₂ có Sig. = 0,481 và hệ số beta chuẩn hóa là $-0,056$ nên bị loại. Hệ số Beta chuẩn hóa của X₁, X₃, X₄, X₅ đều > 0 nghĩa là các biến độc lập này tác động thuận chiều với biến phụ thuộc X.

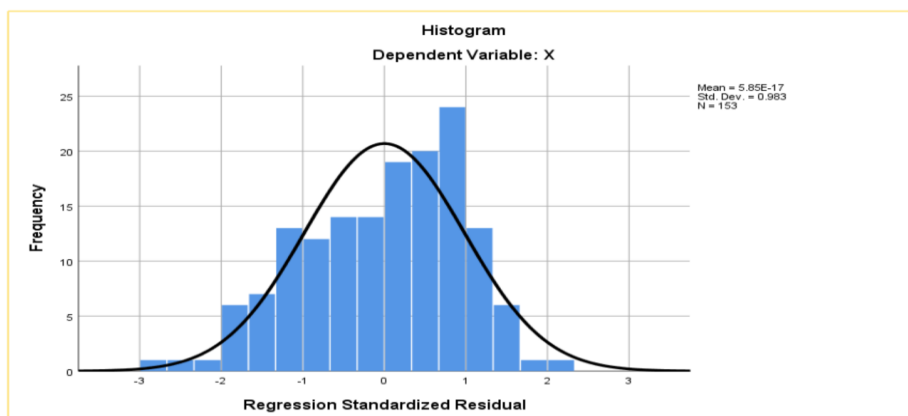
Từ đây, ta có phương trình hồi quy tuyến tính như sau: $X = 0,001X_1 + 0,122X_3 + 0,182X_4 + 0,046X_5 + \varepsilon$. Phương trình hồi quy

tuyến tính đã khẳng định các thang đo 1,3,4,5 là có ý nghĩa trong quá trình rèn luyện để nâng cao hiệu quả trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3.6. Đánh giá giả định hồi quy qua biểu đồ

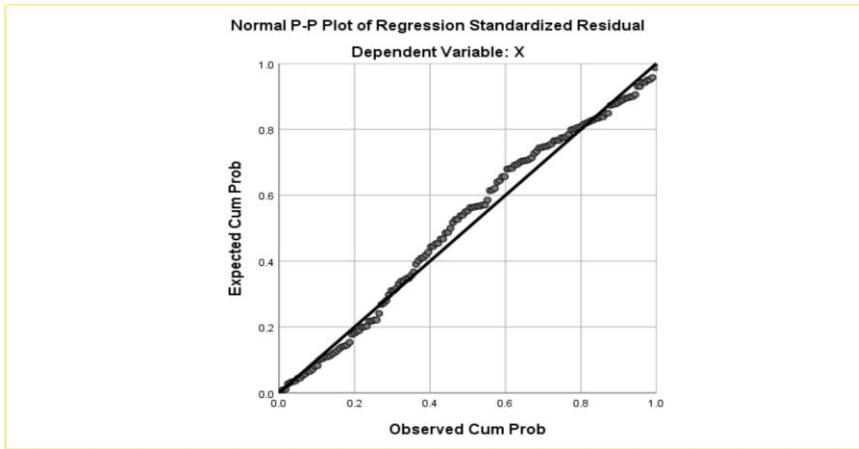
Qua biểu đồ Histogram, nếu giá trị trung bình Mean gần bằng 0, độ lệch chuẩn Std. Dev gần bằng 1, các cột giá trị phân dư phân bố theo dạng hình chuông, ta có thể khẳng định phân phối là xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm. Cụ thể ở biểu đồ trên, Mean = $5,85E-17 = 5,85 * 10^{-15} = 0.00000...$ gần bằng 0, độ lệch chuẩn là 0,983 gần bằng 1. Như vậy có thể nói, phân phối phần dư xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

Theo dữ liệu ở biểu đồ Normal P-P Plot, các điểm dữ liệu phần dư tập trung khá sát với đường chéo, như vậy, phần dư có phân phối xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.



(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Hình 1. Tần số phần dư chuẩn hóa Histogram



(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của tác giả, 2025)

Hình 2. Biểu đồ phần dư chuẩn hóa Normal P-P Plot

4. THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Từ phương trình hồi quy tuyến tính $X = 0,001 X_1 + 0,122 X_3 + 0,182 X_4 + 0,046 X_5 + \varepsilon$ cho thấy, thang đo có mức độ ảnh hưởng lớn nhất là X_4 ($X_4 = 0,182$), sau đó là X_3 ($X_3 = 0,122$), X_5 ($X_5 = 0,046$) và cuối cùng là X_1 ($X_1 = 0,001$). Từ đây, kết quả nghiên cứu đã xác định được các biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả rèn luyện cảm xúc cho giáo viên mầm non thành phố Uông Bí như sau:

Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức của giáo viên mầm non về trí tuệ cảm xúc.

Biện pháp 2: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất để phục vụ cho quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

Biện pháp 3: Tổ chức cho giáo viên mầm non tham gia tập huấn các chương trình về trí tuệ cảm xúc.

Biện pháp 4: Từng bước nâng cao trình độ đào tạo cho giáo viên mầm non lên chuẩn và trên chuẩn.

Từ kết quả thống kê, nghiên cứu đề xuất các biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Thứ nhất, việc nâng cao nhận thức cho giáo viên là một trong những yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc trong môi trường giáo dục mầm non. Trí tuệ cảm xúc, với các thành tố như khả năng nhận biết, hiểu và điều tiết cảm xúc

của bản thân cũng như người khác, đóng vai trò thiết yếu trong việc xây dựng môi trường giáo dục tích cực, thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ. Để giáo viên có thể thực sự rèn luyện và phát triển năng lực này một cách hiệu quả, bước đầu tiên là họ cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa và lợi ích thực tiễn của trí tuệ cảm xúc đối với công việc giảng dạy và chăm sóc trẻ. Do đó, cần đưa nội dung nâng cao nhận thức về trí tuệ cảm xúc vào trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mầm non. Đây chính là nền tảng giúp việc rèn luyện trí tuệ cảm xúc trở thành quá trình chủ động, tự giác và lâu dài, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện trong các cơ sở mầm non.

Thứ hai, hoàn thiện cơ sở vật chất là một trong những yếu tố nền tảng quyết định chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non. Một môi trường giáo dục được đầu tư đầy đủ, an toàn, thân thiện và thuận tiện không chỉ tạo điều kiện tối ưu cho các hoạt động sư phạm mà còn góp phần ổn định tâm lý, giảm áp lực và nâng cao sự hài lòng trong công việc của giáo viên. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giáo viên mầm non thường xuyên đối diện với cường độ lao động cao và những áp lực cảm xúc lớn. Khi được làm việc trong môi trường có cơ sở vật chất đầy đủ như phòng học thoáng mát, trang thiết bị phù hợp, đồ dùng học liệu đa dạng, giáo viên sẽ cảm thấy dễ dàng hơn trong quá trình giảng dạy, được tôn trọng và đánh giá

cao. Điều này giúp họ duy trì trạng thái cảm xúc tích cực, từ đó gia tăng sự đồng cảm và khả năng tương tác tích cực với trẻ. Ngược lại, nếu cơ sở vật chất thiếu thốn, xuống cấp hoặc không phù hợp với nhu cầu giảng dạy, giáo viên có thể cảm thấy mệt mỏi, căng thẳng, thậm chí sinh ra những cảm xúc tiêu cực kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giáo dục cũng như các mối quan hệ trong lớp học.

Thứ ba, việc tổ chức cho giáo viên mầm non tham gia các chương trình tập huấn về trí tuệ cảm xúc đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực nghề nghiệp và chất lượng giáo dục trẻ. Thông qua các chương trình tập huấn chuyên sâu, giáo viên được cung cấp kiến thức nền tảng, lý thuyết khoa học cũng như kỹ năng thực hành nhằm nâng cao khả năng nhận diện, hiểu và điều tiết cảm xúc trong bối cảnh nghề nghiệp đặc thù. Ngoài ra, tập huấn còn giúp giáo viên nhận thức được tầm quan trọng của trí tuệ cảm xúc trong việc giải quyết các tình huống căng thẳng, mâu thuẫn nội bộ, cũng như cải thiện khả năng giao tiếp và hợp tác với đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh. Đây là tiền đề giúp xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về mặt tâm lý, linh hoạt trong ứng xử và có khả năng thích ứng cao với những biến động trong môi trường giáo dục. Do đó, các chương trình tập huấn về trí tuệ cảm xúc cần được tổ chức thường xuyên, bài bản và phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp nhằm đảm bảo rằng mỗi giáo viên mầm non đều có cơ hội phát triển toàn diện cả về chuyên môn lẫn năng lực cảm xúc – yếu tố cốt lõi để nâng cao hiệu quả giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, việc nâng cao trình độ đào tạo cho giáo viên mầm non lên chuẩn và trên chuẩn không chỉ giúp cải thiện kiến thức chuyên môn mà còn có tác động tích cực đến phát triển trí tuệ cảm xúc của giáo viên. Công tác giáo dục trẻ mầm non yêu cầu giáo viên phải quản lý cảm xúc trong những tình huống căng thẳng và giao tiếp với trẻ một cách nhẹ nhàng, kiên nhẫn. Khi giáo viên được đào tạo đúng chuẩn và nâng cao qua các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, họ không chỉ

được trang bị những kiến thức và kỹ năng sư phạm hiện đại mà còn được phát triển các kỹ năng về quản lý cảm xúc, xử lý tình huống và giao tiếp hiệu quả.

5. KẾT LUẬN

Trí tuệ cảm xúc giữ vai trò cốt lõi trong hoạt động giáo dục mầm non, không chỉ giúp giáo viên quản lý cảm xúc cá nhân mà còn tạo điều kiện xây dựng mối quan hệ tích cực với trẻ, đồng nghiệp và phụ huynh. Để nâng cao hiệu quả rèn luyện trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non một cách bền vững và toàn diện, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết, nâng cao nhận thức giúp giáo viên hiểu đúng, đủ và sâu sắc về vai trò của trí tuệ cảm xúc, từ đó hình thành động lực tự rèn luyện. Tiếp theo, việc hoàn thiện và hiện đại hóa cơ sở vật chất góp phần cải thiện môi trường làm việc, giảm áp lực nghề nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên duy trì trạng thái cảm xúc tích cực. Bên cạnh đó, các chương trình tập huấn chuyên đề về trí tuệ cảm xúc chính là công cụ thiết thực để giáo viên nâng cao kỹ năng cảm xúc qua học tập, thực hành và chia sẻ kinh nghiệm. Cuối cùng, trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn chính là nền tảng học thuật quan trọng giúp giáo viên phát triển kỹ năng tư duy, phản biện và quản lý cảm xúc chuyên nghiệp. Sự kết hợp giữa kiến thức, kỹ năng và môi trường hỗ trợ sẽ tạo nên một đội ngũ giáo viên mầm non không chỉ giỏi chuyên môn mà còn vững vàng về mặt cảm xúc, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và phát triển toàn diện cho trẻ trong giai đoạn đầu đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). UK: Pearson.
- Phan Trọng Ngọ. (2001). *Tâm lý học trí tuệ*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). *Using multivariate statistics* (5th ed.). US: Allyn & Bacon.
- Thái Thanh Trúc. (2025). *Phân tích số liệu*, Hà Nội: Nxb Y học.